

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**HUYỆN P**  
**THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 15/5/2020  
V/v tranh chấp Ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Liêng Thị Hồng Hoa

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Sang

2. Ông Trần Thanh Long

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thanh Thảo, là thư ký tòa án của Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ

Ngày 15 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2020 về việc tranh chấp Ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 13/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà **Cao Kim D**, sinh năm 1984; nơi cư trú: ấp L, xã B, huyện H, tỉnh Hậu Giang.

Bị đơn: ông **Lương Duy K**, sinh năm 1985; nơi cư trú: ấp M, xã K, huyện P, thành phố Cần Thơ.

*(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nguyên đơn – bà Cao Kim D trình bày:* bà và ông Lương Duy K tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, tỉnh Hậu Giang. Trong quá trình chung sống ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bà và ông K bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hai bên không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, nên bà và ông K đã không còn chung sống từ năm 2016 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông K. Ông bà có 01 người con chung là Lương Gia B (nam) sinh ngày 14/3/2011,

bà yêu cầu nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng. Tài sản chung và nợ chung: không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Bà Cao Kim D và ông Lương Duy K xây dựng quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, tỉnh Hậu Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 238/TP/2010 ngày 09/12/2010 là hôn nhân hợp pháp. Ngày 26/8/2019 bà D yêu cầu ly hôn, bị đơn có nơi cư trú tại huyện P nên Tòa án nhân dân huyện P thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

[2] Ông K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt không phải vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan, do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 xét xử vắng mặt ông K.

[3] Ông K đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án thể hiện việc bà D xin ly hôn với ông K tại Tòa án nhưng ông K không có ý kiến, không thể hiện ý chí muốn đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặt khác, trong thời gian ly thân nhưng cả hai vợ chồng cũng không có biện pháp gì hàn gắn tình cảm. Bà D xác định không còn tình cảm gì với ông K và cương quyết ly hôn. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân của hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D đối với ông K.

[4] Về con chung, bà D, ông K có một người con chung là Lương Gia B (nam) sinh ngày 14/3/2011, bà D yêu cầu nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng. Hiện cháu Bảo đang sống ổn định với bà D và cháu có nguyện vọng sống chung với mẹ. Do đó, để tránh thay đổi về môi trường sống, cũng như sự phát triển bình thường của trẻ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà D về con chung. Bà D không yêu cầu tiền cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung, nguyên đơn trình bày không có, bị đơn không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn

nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Cao Kim D với ông Lương Duy K.

- *Về con chung*: giao Lương Gia B (nam) sinh ngày 14/3/2011 cho bà D nuôi dưỡng. Ông K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông K, không ai được quyền ngăn cản.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: không có yêu cầu giải quyết.

- *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: bà D nộp 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí tại phiếu thu số 017274 ngày 02/01/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện P thành án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND H. P ;
- THA H. P;
- UBND xã Tân Bình;
- Lưu HS (2b).

***Liêng Thị Hồng Hoa***

